TÒA ÁN NHÂN DÂN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1046/2024/DS-ST
Ngày: 24/12/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thăng
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Võ Văn Tốt
2/ Ông Nguyễn Văn Quản

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Vũ Thế Chung – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Kiều – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/12/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 416/2024/TLST-DS ngày 22/05/2024 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1746/QĐST-DS ngày 28/10/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1856/QĐST-DS ngày 26/11/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: T
Trụ sở: 266-268 N, Phường S, TP. M.
Người đại diện theo uỷ quyền ông M
Bị đơn: Ông T, sinh năm: 1983
Địa chỉ thường trú: 389/25/2D đường K, Khu phố 36, phường H, Quận Q, Thành phố H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày **10/05/2024**, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đại diện theo ủy quyền là ông M trình bày: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/10/2019, Ngân hàng T đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông T số 472075-5588; loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế Visa Platinum; hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng; hiệu lực thẻ: 03 năm; Tính theo biểu phí và điều khoản điều kiện Sacombank Visa Platinum từng thời kỳ, hình thức cấp thẻ: tín chấp. Quá trình sử dụng thẻ nêu trên ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi. Sacombank đã nhiều lần nhắc nhở và tạo điều kiện nhưng ông T cố tình không thanh toán. Nay Sacombank đề nghị Tòa án buộc ông T phải thanh toán số tiền gốc, lãi và phí tạm tính đến ngày 24/12/2024 nợ gốc là 36.496.664 đồng, nợ

lãi là 42.037.156 đồng, tổng cộng là 78.533.820 đồng (Bảy mươi tám triệu năm trăm ba mươi ba nghìn tám trăm hai mươi) đồng; Ngoài ra ông T còn phải chịu lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Bị đơn ông T từ khi thụ lý hồ sơ Tòa án nhân dân Quận 12 đã tiến hành triệu tập ông T đến Tòa để giải quyết việc kiện của Ngân hàng T nhưng ông T không đến, sau khi tiến hành xác minh, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, quy định của pháp luật nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt tại Tòa nên mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông T theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu trong quá trình giải quyết vụ án. Về mặt tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân Quận 12 và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông T cư trú tại địa chỉ: 389/25/2D đường Lê Văn Khương, Khu phố 36, phường T, T phố M. Ngân hàng T là một bên trong hợp đồng có đơn khởi kiện, nên thẩm quyền giải quyết vụ án này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân Quận Q, được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện đến ngày 10/05/2024 và chứng cứ kèm theo của Ngân hàng T, vụ án có quan hệ tranh chấp là: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng ủy quyền M tham gia tố tụng tại Tòa án là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Từ khi thụ lý hồ sơ Tòa án nhân dân QuậnQ, Thành phố M đã tiến hành triệu tập ông T đến Tòa để nhận thông báo thụ lý vụ án, viết bản tự khai, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ông T vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời ông T đã vắng mặt khi Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T; nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 207, Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu của các đương sự: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T đối với ông T, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 10/10/2019 được các bên ký kết giữa Ngân hàng T và ông T có cơ sở để xác nhận giữa nguyên đơn và bị đơn đã phát sinh quan hệ giao dịch hợp đồng sử dụng thẻ

tín dụng. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng T đã cấp số thẻ tín dụng Visa Platinum cho ông T, ông T đã thực hiện nhiều giao dịch, tính đến ngày 24/12/2024 tổng số tiền 78.533.820 đồng (Bảy mươi tám triệu năm trăm ba mươi ba nghìn tám trăm hai mươi) đồng (bao gồm tiền nợ gốc là 36.496.664 đồng, nợ lãi là 42.037.156 đồng).

[5] Về khoản tiền nợ gốc: Xét trong thời hạn vay kể từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay ông T sử dụng thẻ tín dụng để giao dịch nhiều lần và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng được các bên xác lập vào ngày 10/10/2019 kèm theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng. Do ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu ông T phải thanh toán số nợ gốc gốc là 36.496.664 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về khoản tiền lãi quá hạn: Xét Ngân hàng yêu cầu ông T phải thanh toán số tiền lãi là 42.037.156 đồng là phù hợp với quy định về mức lãi suất theo thỏa thuận được quy định tại khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: 3.926.691 (Ba triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm chín mươi mốt) đồng do bị đơn ông T phải chịu; Trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 351, Điều 463, Điều 465 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016;

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn T.

Buộc ông T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T số tiền tiền 78.533.820 đồng (Bảy mươi tám triệu năm trăm ba mươi ba nghìn tám trăm hai mươi) đồng (bao gồm tiền nợ gốc là 36.496.664 đồng đồng, nợ lãi là 42.037.156 đồng), thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong ông T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Thành Thi phải chịu số tiền án phí là 3.926.691 (Ba triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm chín mươi mốt) đồng;

- Trả lại T số tiền tạm ứng án phí 1.637.154 (Một triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn một trăm năm mươi bốn) đồng, theo biên lai thu tiền số 0022505 ngày 22/05 /2024 của Chi cục thi hành án dân sự Q, Thành phố M.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (Đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014".

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Q.12; (1)
- CC.THADS Q. 12; (1)
- Hai bên đ/sư; (2)
- Lưu: Hồ sơ, Vp. (3)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thăng